

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục thuốc Generic, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền sử dụng tại Bệnh viện Mắt năm 2025 - 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT

Căn cứ quyết định về công tác tổ chức cán bộ, công chức ngành y tế ban hành kèm theo quyết định số 180/QĐ-TCCB ngày 13/4/2009 của Giám đốc Sở y tế tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ thông tư 20/2022/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 về việc Thông tư ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số KQ2400597773_2503141819 ngày 19/3/2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của Gói thầu số 01: Gói thầu thuốc generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc tập trung năm 2025-2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thuộc dự toán Mua sắm thuốc tập trung năm 2025-2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Văn bản số 996/SYT-NVD ngày 13 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc chỉ đạo nội dung mua sắm thuốc trong đấu thầu mua sắm tập trung năm 2025-2026;

Căn cứ văn bản số 1074/SYT-NVD ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế Phú Thọ về việc chỉ đạo nội dung mua sắm thuốc trong đấu thầu mua sắm tập trung năm 2025-2026;

Xét đề nghị của ông, bà chủ tịch Hội đồng thuốc & điều trị, trưởng khoa Dược, vật tư, thiết bị y tế;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành danh mục thuốc Generic, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền sử dụng tại Bệnh viện Mắt năm 2025 - 2026 gồm:

(Danh mục chi tiết đính kèm)

Hình thức công khai: In đóng quyển treo tại quầy thu ngân, Khoa dược, vật tư, thiết bị y tế và trên trang Website của bệnh viện;

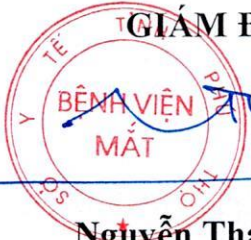
Thời gian công khai: Từ ngày ký quyết định đến khi có thông báo giá thuốc trúng thầu mới.

Điều 2. Danh mục thuốc Generic, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền sử dụng tại Bệnh viện Mắt Phú Thọ năm 2025 - 2026 được áp dụng kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Chủ tịch Hội đồng thuốc và điều trị, trưởng khoa Dược, VT, thiết bị y tế và các khoa phòng liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu Vt, HĐT & ĐT, KD


Nguyễn Thanh Hải

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN MẮT NĂM 2025-2026
(Danh kê quyết định số: 34/QĐ-BV ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Giám đốc bệnh viện Mắt)

STT	MA_THUOC	TEN_THUOC_O3_HAT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_DUNG	DANG_BAO_CHE	SO_DANG_KY	SO_LUONG	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CAC_H	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CSKC_B	LOAI_TH_UOC	LOAI_TH_AU	HT_THAU
1	40.1	Atropin sulfat	Atropin Sulphat	Ống	0,25mg/ml	Tiêm	2.10	Dung dịch thuốc tiêm	893114045723	200	504	504	Hộp 100 ống x 1ml	Công ty Cổ phần Dược Vật y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG	KQ240059777 3_2503141819; G1,N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
2	40.12	Lidocain hydroclorid	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Ống	40mg/2ml	Tiêm	2.10	Dung dịch thuốc tiêm	VD-23764-15	4000	500	500	Hộp 100 ống x 2ml	Công ty Cổ phần Dược Vật y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG	KQ240059777 3_2503141819; G1,N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
3	40.838	Rocuronium bromid	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Lọ	10mg/ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	VN-22745-21	20	56500	56500	Hộp 10 lọ x 5ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	KQ240059777 3_2503141819; G1,N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
4	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol Tab.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-23978-15	8000	480	480	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Linh	KQ240059777 3_2503141819; G1,N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
5	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	Parazcol	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-22518-15	7000	240	240	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 - PHARBACO	KQ240059777 3_2503141819; G1,N3;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
6	40.154	Amoxicilin	Duramox 500	Viên	500mg	Uống	1.01	viên nang cứng	529110971124	30000	2300	2300	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Vogen Laboratories Ltd	Cộng Hòa Síp	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MAI DƯỢC PHAM SON HẢI	KQ240059777 3_2503141819; G1,N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
7	40.184	Cefuroxim	Nagacef 500	Viên	500mg	Uống	1.01	viên nén bao phim	VD-24966-16	5000	7490	7490	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MAI DƯỢC PHAM SON HẢI	KQ240059777 3_2503141819; G1,N2;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
8	40.203	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Maxitrol	Lọ	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	VN-21435-18	20000	41800	41800	Hộp 1 lọ đêm giọt 5ml	SA Alcon-Couvreur NV	Bi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; G1,N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
9	40.203	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Eyrus Ophthalmic Suspension	Lọ	60000IU + 35mg + 10mg	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	VN-21337-18	4000	58800	58800	Hộp 1 lọ 10ml	Samil Pharm Co., Ltd	Korea	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC MAI DƯỢC PHAM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; G1,N2;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
10	40.203	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Eyrus Ophthalmic Ointment	Tuýp	21.000 IU + 12,25mg + 3,5mg	Tra mắt	6.02	Thuốc mỡ tra mắt	VN-16901-13	2000	43500	43500	Hộp 1 tuýp 3,5g	Samil Pharmaceutical Co., Ltd	Korea	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC MAI DƯỢC PHAM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; G1,N2;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
11	40.229	Levofloxacin	Cravit 1.5%	Lọ	75mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-20214-16	18000	115999	115999	Hộp 1 lọ 5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd - Nhà máy Noto	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; G1,N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
12	40.229	Levofloxacin	Letidion	Lọ	5mg/ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-22724-21	10000	84000	84000	Hộp 1 lọ 5ml	Rompharm Company S.R.L	Romania	CÔNG TY TNHH ĐẠI BÁC	KQ240059777 3_2503141819; G1,N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1

STT	MA_THUOC	TEN_HOAT_C_HAT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_DUNG	DANG_BAO_CHE	SO_DANG_KY	SO_LUONG	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CAC_H	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CSKCB	LOAI_THUOC	LOAI_THAU	HT_THAU
13	40.229	Levofloxacin	Eyleox ophthalmic Solution	Lọ	5mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-22538-20	4000	31059	31059	Hộp 1 lọ 5ml	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	CÔNG TY TRACH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH MÂY VÀNG	KQ240059777 3_2503141819; GI: N2.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
14	40.232	Moxifloxacin	Moxifloxacin 5mg/ml eye drops, solution	Lọ	5mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-22375-19	6000	79400	79400	Hộp 1 lọ x 5ml	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM A&B	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
15	40.235	Ofloxacin	Eyflex ophthalmic ointment	Tuýp	10,5mg/3,5g	Tra mắt	6.02	Thuốc mỡ tra mắt	VN-17200-13	14000	48090	48090	Hộp 1 tuýp 3,5g	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	CÔNG TY TRACH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH MÂY VÀNG	KQ240059777 3_2503141819; GI: N2.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
16	40.235	Ofloxacin	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Lọ	3mg/ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	40011501032 4	6000	52900	52900	Hộp gồm 1 lọ chứa 5ml	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Germany	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUỐC PHẨM S&I GÒN	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
17	40.260	Aciclovir	Mizoon DT 800	Viên	800mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	89311075642 4	4600	6950	6950	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Haseo - Demapharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN VADPHARMA	KQ240059777 3_2503141819; GI: N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
18	40.483	Amiodaron (hydroclorid)	Amiodarona GP	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-23269-22	200	6650	6650	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Farnalabor Produtos Farmaceuticos, S.A	Bồ Đào Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM TRUNG LÔNG CPCI	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
19	40.519	Nifedipin	Cordaflex	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim giải phóng chậm	VN-23124-22	100	1355	1355	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
20	40.659	Furusemid	Furlec 40	Ông	40mg/4ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	89311025742 4	50	8930	8930	Hộp 5 ống x 4ml; Hộp 10 ống x 4ml; Hộp 20 ống x 4ml	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Mediac Pharma Italy	Việt Nam	CÔNG TY TNHH Y DUỐC QUANG MINH	KQ240059777 3_2503141819; GI: N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
21	40.775	Methyl prednisolon	Kapredin	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	89311015432 3	4400	595	595	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM KHÁNH HÒA	KQ240059777 3_2503141819; GI: N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
22	40.776	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Adelone	Lọ	1% - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	52011077062 4	1300	35800	35800	Hộp 1 lọ 5ml	Cooper S.A	Hy Lạp	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM TRUNG LÔNG CPCI	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
23	40.848	Atropin (sulfat)	Uni-Atropin	Ông	10mg/ml - 0,5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VĐ-34673-20	1000	12600	12600	Hộp 20 ống x 0,5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPCI Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM CPCI HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI: N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
24	40.851	Brimonidin tartrat	BRIMOGAN	Lọ	2mg/ml-5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-23185-22	300	114450	114450	Hộp 1 lọ x 5ml	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Greece	CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DUỐC VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁNH ĐÀN	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
25	40.30.827	Bromfenac	Bronnec ophthalmic solution 0.1%	Lọ	1mg/ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-20626-17	5000	128000	128000	Hộp 1 lọ x 5ml	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karlsruhe Plant	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI: N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1

STT	MA_THUOC	TEN_HOAT_CHAT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_DUNG	DANG_BAO_CHE	SO_DANG_KY	SO_LUONG	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CACH	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CSKC_B	LOAI_THUOC	LOAI_THAU	HT_THAU
26	40.854	Carbomer	Liposic eye gel	Tuyp	0,2% (2mg/g)	Trà mắt	6.02	Gel tra mắt	VN-15471-12	2900	65000	65000	Hộp 1 tuyp 10g	Dr. Gerhard Mann Chem-Pharm. Fabrik GmbH	Đức	CONG TY TNHH DUOC PHAM VA TRANG THIET BI Y TẾ HOÀNG ĐỨC	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
27	40.869	Kali iodiđ + natri iodiđ	Eyaren Ophthalmic Drops	Lọ	(30mg + 30mg)/10ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-10546-10	1000	27594	27594	Hộp 1 lọ 10ml	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	CONG TY TNHH DUOC PHAM VA TRANG THIET BI Y TẾ HOÀNG ĐỨC	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
28	40.872	Loteprednol etabonat	Lotemax	Lọ	0,5% (5mg/ml)	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	VN-18326-14	1000	219500	219500	Hộp 1 lọ 5ml	Bausch and Lomb Incorporated	Mỹ	CONG TY TNHH DUOC PHAM VA TRANG THIET BI Y TẾ HOÀNG ĐỨC	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
29	40.876	Natri carboxymethylcellulose(natri CMC)	Refresh Tears	Lọ	75mg/15ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-19386-15	8000	64103	64103	Hộp 1 lọ 15ml	Allergan Sales, LLC	Mỹ	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
30	40.30.846	Natri carboxy methylcellulose + glycerin	Optive	Lọ	(5mg + 9mg)/1ml - 15ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-20127-16	2000	82850	82850	Hộp 1 lọ x 15ml	Allergan Sales, LLC	Mỹ	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
31	40.881	Natri hyaluronat	Santen 0.3	Lọ	15mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-19343-15	1000	126000	126000	Hộp 1 lọ x 5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.-Nhà máy Noto	Nhật Bản	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
32	40.881	Natri hyaluronat	Teurbalance Ophthalmic solution 0.1%	Lọ	1mg/1ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-18776-15	6000	57000	57000	Hộp 1 lọ 5ml	Seiju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật Bản	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
33	40.881	Natri hyaluronat	Eyul-Q Ophthalmic Solution	Lọ	1mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-21125-18	2000	31374	31374	Hộp 1 lọ x 5ml	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	CONG TY TNHH DUOC PHAM VA TRANG THIET BI Y TẾ HOÀNG ĐỨC	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
34	40.881	Natri hyaluronat	Hyaluron Eye Drops	Ống	0,88mg/0,88ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-21104-18	8000	12000	12000	Hộp 30 ống 0,88ml	Hanlin Pharm. Co., Ltd	Korea	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
35	40.886	Olopatadin hydroclorid	Panday	Chai	0,2%	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-13472-11	2000	131099	131099	Hộp 1 chai 2,5ml	Alcon Research, LLC.	Mỹ	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
36	40.887	Pemirolast kali	Alegysal	Lọ	5mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	49911008072 3	4000	82131	82131	Hộp 1 lọ x 5ml	Santen Pharmaceutical Co. Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
37	40.889	Pirenixin	Kary Uni	Lọ	0,25mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	49911008082 3	6000	32424	32424	Hộp 1 lọ x 5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - nhà máy Noto	Nhật Bản	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
38	40.890	Polyethylen glycol + Propylen glycol	Systane Ultra	Lọ	(0,4% + 0,3%) - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-19762-16	8000	60100	60100	Hộp 1 lọ 5ml	Alcon Research, LLC	Mỹ	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; Gi;Ni;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1

STT	MA_THUOC	TEN_HOAT_C_HAT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_DUNG	DANG_BAO_CHE	SO_DANG_KY	SO_LUONG	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CAC_H	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGAY_Y	MA_CSKC_B	LOAI_THUOC	LOAI_THAU_AU	HT_THAU
39	40.891	Ranitidumab	Lucensis	Lọ	2,3mg/0,2ml	Tiền trong dịch kính	2.08	Dung dịch tiêm	SP-1188-20	30	13125022	13125022	Hộp 01 lọ x 0,23ml và 01 kim lọc để rút thuốc trong lọ	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
40	40.30.857	Tafuprost	Tafloam	Lọ	0,0375mg/2,5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-20088-16	500	244799	244799	Hộp 1 lọ 2,5ml	Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
41	40.896	Travoprost	Travoprost/Pharmathen	Lọ	40mcg/ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-23190-22	200	241000	241000	Hộp 1 lọ x 2,5ml	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMERIVER VIỆT NAM	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
42	40.30.862	Travoprost+ timolol	Timotrav	Lọ	(0.04mg + 5mg)/ml - 2,5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	VN-23179-22	600	228000	228000	Hộp 1 túi x 1 lọ x 2,5ml; hộp 3 túi x 1 lọ x 2,5ml	CSSX: Balkanpharma - Razgrad AD CSXX: Pharmathen SA	Bulgaria; Nước xuất xứ: Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
43	40.898	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	Mydrin-P	Lọ	(50mg + 50mg)/10ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	49911041542 3	1775	67500	67500	Hộp 1 lọ x 10ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
44	40.933	Diazepam	Seduxen 5mg	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	59911202792 3	600	1260	1260	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCL	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
45	40.1026.1	Ringer lactat	Ringer's Lactate	Túi	3g + 1,5g + 0,15g + 0,1g	Tiền truyền	2.15	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	VD-56022-22	1500	20000	20000	Túi 500ml	Công ty cổ phần được phân phối: Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CHU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
46	40.1028	Nước cất pha tiêm	Nước cất ống nhựa	Ông	5ml	Tiền	2.10	Dung môi pha tiêm	89311015162 4	1000	480	480	Hộp 50 ống x 5ml	Công ty cổ phần được phân phối: CPCL Hà Nội	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCL HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
47	40.1048	Vitamin A + D3	Vitamin AD	Viên	4.000IU + 400IU	Uống	1.01	Viên nang mềm	VD-29467-18	200000	599	599	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần được phân phối: Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HỒNG ĐỨC	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
48	40.852	Brinzolamid	Azopt	Lọ	10mg/ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	00110009924	630	116700	116700	Hộp 1 lọ 5ml	Alcon Research, LLC	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
49	40.22	Sevofluran	Sasoflura	Chai	100%/250ml	Đường hô hấp	5.06	Dung dịch gây mê đường hô hấp	00111401742 4	10	1523550	1523550	Hộp 1 chai 250ml	Piramal Critical Care, Inc	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODIPHA	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
50	40.868	Indomethacin	Indocollyre	Lọ	0,1% - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Thuốc nhỏ mắt	30010044442 3	5000	68000	68000	Hộp 1 lọ 5ml	Laboratoire Chauvin	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
51	40.518	Nicardipin	Nicardipine Aguentant 10mg/10ml	Ông	10mg/10ml	Tiền truyền	2.15	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	30011002952 3	20	124999	124999	Hộp 10 ống x 10ml	Laboratoire Aguentant	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
52	40.775	Methyl prednisolon	Medrol	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	80011099182 4	8200	3672	3672	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3_2503141819; GI:NI.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1

STT	MA_THUOC	TEN_HOAT_C HAT	TEN_THUOC	DON_VI TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_DUNG	DANG_BAO_CHE	SO_DANG_K Y	SO_LUONG	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CAC H	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CSKC B	LOAI_TH UOC	LOAI_TH AU	HT_THAU
53	40.775	Methyl prednisolon	Ocemethyl	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	89311063482 4	2970	1650	1650	Hộp 5, 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	CONG TY CO PHAN THUONG MAI DUOC PHAM HONG DUOC	KQ240059777 3_2503141819; G1;N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
54	40.775	Methyl prednisolon	Medrol	Viên	4mg	Uống	1.01	Viên nén	80011040632 3	6000	1105	1105	Hộp 3 vi x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TE HA NOI	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
55	40.850	Bimatoprost	Lumigan	Lọ	0,3mg/5ml - 3ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	53911007502 3	830	252079	252079	Hộp 1 lọ chứa 3ml dung dịch trong lọ dung tích 5ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TE HA NOI	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
56	40.30.824	Brimonidin tartrat + timolol	Combigan	Lọ	(2mg + 5mg)/1ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	53911007492 3	1000	183514	183514	Hộp 1 lọ x 5ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TE HA NOI	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
57	40.30.826	Brimzolamid + timolol	Azarga	Lọ	(10mg + 5mg)/1ml - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	54011007912 3	3000	310800	310800	Hộp 1 lọ 5ml	S.A. Alcon- Couvreur N.V	Bi	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TE HA NOI	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
58	40.771	Fluorometholon	Samiflurone 0,1% Ophthalmic Suspension	Lọ	5mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	Hỗn dịch nhỏ mắt	88011003332 3	1000	23247	23247	Hộp 1 lọ 5ml	Samil Pharm Co., Ltd	Korea	CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN MOT THANH VIEN THUONG MAI DICH YU DU LICH	KQ240059777 3_2503141819; G1;N2;2025	20250319	20270319	25040	1	1	PHU TA
59	40.883	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Lọ	0,9% (w/v)	Nhỏ mắt	6.01	Thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mũi	89310021890 0	3000	1299	1299	Hộp 20 lọ x 10ml	Công ty CPDP Mình Dân	Việt Nam	CONG TY CO PHAN THUONG MAI MINH DAN	KQ240059777 3_2503141819; G1;N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	
60	40.30.848	Natri diquafesol	Diquas	Lọ	150mg/5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	49911053032 4	800	129675	129675	Hộp 1 Lọ x 5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhiệt Bản	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM THIET BI Y TE HA NOI	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
61	40.1005	Kali clorid	Kali Clorid	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	89311062752 4	10000	730	730	Hộp 10 vi x 10 viên Hộp 1 chai 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm 29	Việt Nam	CONG TY CO PHAN THUONG MAI DUOC PHAM HONG DUOC	KQ240059777 3_2503141819; G1;N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
62	40.1015	Glucose	Dextrose	Chai	5g/100ml (5%)	Tiền truyền	2.15	Dung dịch truyền	52011078362 4	100	20000	20000	Chai 500ml	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lap	CONG TY TNHH DUOC PHAM CHAU A - THAI	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
63	40.1026.1	Ringer lactat	Ringer lactate	Chai	500ml chứa: 0,13g + 0,2g + 3g + 1,6g	Tiền truyền	2.15	Dung dịch tiêm truyền	89311082942 4	7100	6817	6817	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CONG TY CO PHAN DUOC PHU THO DUOC	KQ240059777 3_2503141819; G1;N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
64	40.91	Loratadin	LoratadineSPM 5mg (ODT)	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén tan rá nhanh trong miệng	89310027510 0	4500	1000	1000	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	CONG TY CO PHAN THUONG MAI DUOC PHAM HONG DUOC	KQ240059777 3_2503141819; G1;N4;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
65	40.15	Midazolam	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Ống	5mg/1ml - 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	40011200222 4	20	20100	20100	Hộp 10 ống 1ml	B.Braun Melsungen AG	Đức	CONG TY CO PHAN DUOC PHAM TRUNG UONG GPC1	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
66	40.21	Propofol	Propofol- Lipuro 0.5% (5mg/ml)	Ống	5mg/1ml - 20ml	Tiền	2.10	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	40011498462 4	30	95421	95421	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	B.Braun Melsungen AG	Germany	CONG TY TNHH DUOC PHAM XUAN HOA	KQ240059777 3_2503141819; G1;N1;2025	20250319	20270319	25040	1	1	1

STT	MA_THUOC	TEN_HOAT_C_HAT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG	DANG_BAO_CHE	SO_DANG_KY	SO_LUONG	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CAC_H	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGA_Y	MA_CSKC_B	LOAI_THUOC	LOAI_THAU	HT_THAU
67	40.134	Amoxicilin	Ebamox 500 DT.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	89311027300	60000	2120	2120	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharmico	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MẠI YÁ THIẾT BỊ Y TẾ HP	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
68	40.163	Cefalexin	Firstlexin 500 DT.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén phân tán	89311027010	20000	3100	3100	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharmico	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MẠI YÁ THIẾT BỊ Y TẾ HP	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
69	40.203	Neomycin + polymyxin B + decanetheson	Mastrol	Tuýp	(1mg + 3500IU + 6000IU)/1g - 3.5g	Tra mắt	6.02	Thuốc mỡ tra mắt	54011052824	8000	51900	51900	Hộp 1 tuýp 3.5g	SA Alcon-Couvreur NV	Bỉ	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
70	40.235	Ofloxacin	Oflovid ophthalmic ointment	Tuýp	0,3% - 3.5g	Tra mắt	6.02	Thuốc mỡ tra mắt	499115415523	8000	74530	74530	Hộp 1 tuýp x 3.5g	Santen Pharmaceutical Co., Ltd, Nhà máy Shiga	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
71	40.235	Ofloxacin	Eyfloz ophthalmic solution	Lọ	3mg/ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	880115019024	14400	28287	28287	Hộp 1 lọ 5ml	Samil Pharm Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N2.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
72	40.39	Ketorolac	Acular	Lọ	0,5% - 5ml	Nhỏ mắt	6.01	Dung dịch nhỏ mắt	539110026123	2100	67245	67245	Hộp 1 lọ 5ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
73	40.656	Povidon iodín	PVP-Iodine 10%	Lọ	10%-120ml	Dùng ngoài	3.05	Dung dịch dùng ngoài	893100267423	370	22998	22998	Hộp 1 lọ 120ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
74	40.656	Povidon iodín	Povidone Iodine 10%	Chai	10% - 140ml	Dùng ngoài	3.05	Dung dịch dùng ngoài	893100037200	1485	26880	26880	Hộp 1 chai 140ml	Công ty cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
75	40.86	Epinephrin (adrenalin)	Hadnalim 1mg/ml	Ống	1mg/ml	Tiền	2.10	Dung dịch thuốc tiêm	893110151100	7400	1060	1060	Hộp 1 ống x 1ml; Hộp 20 ống x 1ml; Hộp 50 ống x 1ml	Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
76	40.1025	Nhũ dịch lipid	Smoflipid 20%	Chai	(6g; 6g; 5g; 3g)/100ml	Tiền truyền	2.15	Nhũ tương tiêm truyền	VN-19955-16	40	100000	100000	Thùng 10 chai 100 ml	Freseus Kabal Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N1.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
77	40.656	Povidon iodín	Povidone	Chai	0.1	Dùng ngoài	3.05	Dung dịch dùng ngoài	893100041923	1000	27000	27000	Chai 200ml	Chai nhỉnh công ty cổ phần dược phẩm Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1
78	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9%/100ml - 500ml	Tiền truyền	2.15	Dung dịch tiêm truyền	893110118423	250	6237	7119	Thùng 30 Chai x 250ml	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	KQ240059777 3.2503141819; GI.N4.2025	20250319	20270319	25040	1	1	1



DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN MẮT NĂM 2025-2026
(Đính kèm quyết định số: 34/QĐ-BV ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Giám đốc bệnh viện Mắt)

STT	MA_THUỐC	TÊN_HOẠT_CHAT	TÊN_THUỐC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	DUONG_DUNG	MA_DUONG_DUNG	DANG_BA_O_CHE	SO_DANG_KY	SO_LUON_G	DON_GIA	DON_GIA_BH	QUY_CAC_H	NHA_SX	NUOC_SX	NHA_THAU	TT_THAU	TU_NGAY	DEN_NGA_Y	MA_CSKC_B	LOAL_TH_UOC	LOAL_TH_AU	HT_THAU
1	05C.212.2	Thực địa, Hoài sơn, Trách tá, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hà khô thảo, Hà thủ ô đỏ, Đường quy	Sáng mắt	Viên	125mg; 160mg; 100mg; 200mg; 200mg; 125mg; 200mg; 160mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-24070-16	400000	650	650	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Viet Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm ST. ANDREWS Việt Nam	KQ240059 8564_2503 051953.G3; N3.2025	20250603	20270603	25040	2	1	1
2	05C.211.4	Thực địa, Hoài sơn, Đem bi, Phục linh, Trách tá, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa	Viên sáng mắt	Viên	360mg tương ứng với: 2g; 1g; 0,75g; 0,75g; 0,75g; 1g; 0,75g; 0,75g	Uống	1.01	Viên hoàn cứng	VD-33852-19	15000	3800	3800	Hộp 1 lọ 30 viên; 60 viên	Công ty CP dược quốc tế Tùng Lộc	Viet Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Bông Sen Vàng	KQ240059 8564_2503 051953.G3; N3.2025	20250603	20270603	25040	2	1	1

